Van một chiều lá lật

SCI

Theo tiêu chuẩn : BS5163- Kiểu A
Kích thước: DN40- DN 600
Áp lực làm việc: 10/16 bar
Nhiệt độ tối đa 70^0C Max
Sơn: Sơn Epoxy màu xanh độ dày tối thiểu 250 micron
Vận hành Tay quay/nắp chụp

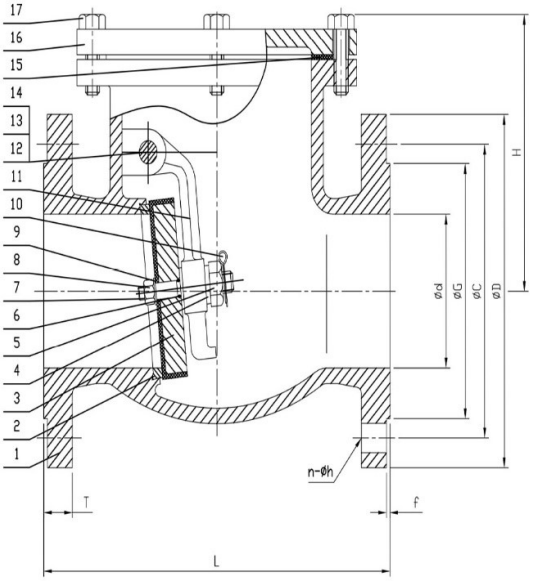

KÍCH THƯỚC

SIZE θd	H	L	FLANGE DRILLING PN 16					
			Θ D	θC	ΘG	T	F	n-θh
40	122	165	150	110	84	18	3	4-θ19
50	137	203	165	125	99	20	3	4-θ19
65	147	216	185	145	118	20	3	4-θ19
80	159	241	200	160	132	22	3	8- θ19
100	180	292	220	180	156	24	3	8- θ19
125	203	330	250	210	184	26	3	8- θ19
150	223	356	285	240	211	26	3	8- θ23
200	258	495	340	295	266	30	3	12- θ23
250	290	622	405	355	319	32	3	12- θ28
300	325	698	460	410	370	32	4	12- θ28
350	361	787	520	470	429	36	4	16- θ28
400	388	914	580	525	480	38	4	16- θ31
450	450	965	640	585	548	40	4	20- θ31
500	518	1067	715	650	609	42	4	20- θ34
600	617	1219	840	770	720	48	5	20 θ37

CHI TIẾT

STT	BỘ PHẬN	VẬT LIỆU	TIÊU CHUẨN VẬT LIỆU
1	Thân	Gang cầu	EN1563 – EN-GJS-500-7
2	Vành chặn đĩa van	Đồng	EN12165-CW721R
3	Đĩa van	Gang cầu và cao su	EN1563 – EN-GJS-500-7 &EN681-1
4	Đệm hãm (phẳng)	Thép không rỉ	EN10088 Grade 1.4301
5	Chốt hãm	Thép không rỉ	EN10088 Grade 1.4301
6	O-Ring	Cao su (NBR)	EN681-1
7	Thân trục	Thép không rỉ	EN10088 Grade 1.4021
8	Bu lông bắt đĩa van	Thép không rỉ	EN10088 Grade 1.4301
9	Đệm hãm (phẳng	Thép không rỉ	EN10088 Grade 1.4301
10	Chốt chống tuột	Thép không rỉ	EN10088 Grade 1.4301
11	Tay đòn	Gang cầu	EN1563 – EN-GJS-500-7
12	Chốt bản lề	Thép không rỉ	EN10088 Grade 1.4021
13	Chốt	Thép không rỉ	3100 Grade A3
14	Gioăng tay đòn	TFL	----------
15	Đệm cao su	Cao su (NBR)	EN681-1
16	Nắp	Cao su	EN1563 – EN-GJS-500-7
17	Bu lông nắp	Thép không rỉ	3100 Grade A3

NSX: SCI COOPERATION Co., Ltd
Factory: 1/12 Moo 2, Samutsakorn Industrial Estate
Samutsakorn,7400, Thailand

NNK: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT HCL
VP/ NMSX: Lô CN2, cụm CN Ngọc Hồi,
Thanh Trì, Hà Nội; https://hcl.vn